

New Vocab Sheet _ L3 Text 2_你叫什么名字?

1	叫	jiào	be called
2	什么(麼)	shén me	what
3	名	míng	name
4	字	zì	character; word
5	名字	míng zi	name
6	我	wǒ	I; me
7	小	xiǎo	small
8	月	yuè	moon; month
9	大	dà	big
10	生	shēng	be born; student